

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09/2022/DS-ST**

Ngày: 01-4-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U M T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970. Có mặt
Địa chỉ: Ấp C N, xã T Y, huyện U M T, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Mai Minh K, sinh năm 1971 vắng mặt
Địa chỉ: Ấp M, xã M T, huyện U M T, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 04/02/2021 tôi có cho ông Mai Minh K mượn số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Đến ngày 19/02/2021 ông K trả cho tôi được 200.000.000 đồng, hiện còn nợ lại tôi 100.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu: Trước đây tôi yêu cầu bà Đặng Thị H vợ ông K và ông K cùng trả nợ cho tôi, nhưng nay tôi rút lại yêu cầu bà H trả nợ, tôi yêu cầu một mình ông K trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng theo thỏa thuận tính từ ngày 04/02/2021 cho đến khi xét xử.

Tại Biên bản hòa giải ngày 17/02/2022 của bị đơn ông Mai Minh K trình bày:

Tôi thừa nhận lời trình bày của ông Lê Văn C là đúng, hiện nay tôi còn nợ ông C số tiền gốc 100.000.000 đồng, tôi đồng ý trả nợ gốc và lãi cho ông C nhưng xin trả dần, bằng cách: Ngày 22/12/2022 trả gốc 50.000.000 đồng và lãi. Ngày 30/6/2023 trả gốc 50.000.000 đồng và lãi là dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập ông Mai Minh K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Mai Minh K vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Lê Văn C yêu cầu bị đơn Mai Minh K trả tiền vay gốc là 100.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U M T.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 17/02/2022 Nguyên đơn ông Lê Văn C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Đặng Thị H vợ ông Mai Minh K cùng với ông K trả nợ cho ông, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên chấp nhận, không xem xét nghĩa vụ của bà H trong vụ án này. Tại biên bản hòa giải ngày 17/02/2022 Nguyên đơn Ông Lê Văn C và ông Mai Minh K thống nhất được số tiền ông K nợ ông C là 100.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nghĩ nên ghi nhận. Phía bị đơn ông K cho rằng hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên xin trả dần bằng cách: Ngày 22/12/2022 trả gốc 50.000.000 đồng và lãi. Ngày 30/6/2023 trả gốc 50.000.000 đồng và lãi là dứt nợ. Nhưng phía nguyên đơn ông C không đồng ý. Xét thấy về tổng số nợ

hai bên đã thống nhất nghĩ nên ghi nhận, hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ. Bị đơn xin trả dần nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Tính từ ngày 04/02/2021 ngày ông K viết biên nhận nhận tiền, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/4/2022 là 13 tháng 27 ngày.

100.000.000 đồng x 1%/ tháng x 13 tháng 27 ngày = 13.900.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng gốc và lãi: 113.900.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Minh K phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Ông Lê Văn C không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho ông C số tiền 2.500.000 đồng theo lai thu số 0003096 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C đối với bị đơn ông Mai Minh K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Mai Minh K có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn C số tiền: 113.900.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm ngàn đồng chẵn). (Trong đó gốc: 100.000.000 đồng; lãi 13.900.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Mai Minh K không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Minh K phải nộp án phí giá ngạch số tiền: 113.900.000 đồng x 5% = 5.695.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn).

Bà Lê Văn C không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho C số tiền 2.500.000 đồng theo lai thu số 0003096 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Mai Minh K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi